

QUYẾT TOÁN CHI CHƯƠNG TRÌNH MỤC TIÊU QUỐC GIA NĂM 2025

(Kèm theo Quyết định số 849/QĐ-UBND ngày 20/4/2026 của UBND xã Vĩnh Thuận)

Đơn vị: đồng

STT	Nội dung	Dự toán			Quyết toán							So sánh (%)		
		Tổng số	Trong đó		Tổng số	Trong đó						Tổng số	Trong đó	
			Đầu tư phát triển	Kinh phí sự nghiệp		Chi đầu tư phát triển			Kinh phí sự nghiệp				Chi đầu tư phát triển	Chi thường xuyên
						Tổng số	Chia ra		Tổng số	Chia ra				
					Vốn trong nước	Vốn ngoài nước		Vốn trong nước	Vốn ngoài nước					
A	B	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11=4/1	12=5/2	13=8/3
	TỔNG SỐ	3,558,653,819	2,270,047,358	1,288,606,461	3,048,714,047	2,024,307,015	2,024,307,015	-	1,024,407,032	1,024,407,032	-	85.67	89.17	79.50
I	Chương trình MTQG xây dựng nông thôn mới	2,519,881,191	2,270,047,358	249,833,833	2,127,844,047	2,024,307,015	2,024,307,015	-	103,537,032	103,537,032	-	84.44	89.17	41.44
1	Công trình: Đường giao thông nông thôn Kênh Cỏ Bạch	58,047,358	58,047,358		34,363,850	34,363,850	34,363,850		-			59.20	59.20	
2	Công trình: Đường GTNT Kênh Thủy Lợi (bờ phải 4000-5000)	1,530,000,000	1,530,000,000		1,372,550,380	1,372,550,380	1,372,550,380		-			89.71	89.71	
3	Công trình: Sửa chữa nhà văn hóa ấp Đồn Dong, ấp Kênh 13, ấp Kênh 11	170,000,000	170,000,000		139,953,579	139,953,579	139,953,579		-			82.33	82.33	
4	Công trình: Sửa chữa Nhà văn hóa xã	170,000,000	170,000,000		157,719,322	157,719,322	157,719,322		-			92.78	92.78	
5	Công trình: Sửa chữa các cầu trên địa bàn xã Vĩnh Thuận	342,000,000	342,000,000		319,719,884	319,719,884	319,719,884		-			93.49	93.49	
6	Hỗ trợ phát triển sản xuất, tái cơ cấu nông nghiệp; kiểm tra giám sát (xã Vĩnh Thuận cũ)	26,303,944		26,303,944					-	-		-	-	-
7	Chương trình mỗi xã một sản phẩm; Chương trình giữ gìn, khôi phục cảnh quan truyền thống nông thôn; Kiểm tra giám sát (xã Vĩnh Thuận cũ)	110,000,000		110,000,000					-	-		-	-	-
8	Chương trình: Đẩy mạnh đa dạng hình thức thông tin truyền thông; Kiểm tra, giám sát (xã Tân Thuận cũ)	113,529,889		113,529,889	103,537,032				103,537,032	103,537,032		91.20		91.20
II	Chương trình MTQG Giảm nghèo bền vững	1,038,772,628	-	1,038,772,628	920,870,000	-	-	-	920,870,000	920,870,000	-	88.65		88.65

STT	Nội dung	Dự toán			Quyết toán							So sánh (%)		
		Tổng số	Trong đó		Tổng số	Trong đó						Tổng số	Trong đó	
			Đầu tư phát triển	Kinh phí sự nghiệp		Chỉ đầu tư phát triển			Kinh phí sự nghiệp				Chi đầu tư phát triển	Chi thường xuyên
						Tổng số	Chia ra		Tổng số	Chia ra				
					Vốn trong nước	Vốn ngoài nước		Vốn trong nước	Vốn ngoài nước					
A	B	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11=4/1	12=5/2	13=8/3
1	Đa dạng hóa sinh kế, phát triển mô hình giảm nghèo; hỗ trợ phát triển sản xuất nông nghiệp; Truyền thông về giảm nghèo đa chiều; Kiểm tra giám sát (Phòng Kinh tế	703,000,000		703,000,000	703,000,000	-			703,000,000	703,000,000		100.00		100.00
2	Dự án Cải thiện dinh dưỡng; Hỗ trợ việc làm, Truyền thông về giảm nghèo đa chiều (Phòng Văn hóa)	251,000,000		251,000,000	169,970,000	-			169,970,000	169,970,000		67.72		67.72
3	Truyền thông giảm nghèo về thông tin (xã Vĩnh Thuận cũ)	19,400,000		19,400,000	-	-			-	-		-		-
4	Nâng cao năng lực giám sát, đánh giá chương trình (xã Vĩnh Thuận cũ)	65,324,000		65,324,000	47,900,000	-			47,900,000	47,900,000		73.33		73.33
5	Chương trình đa dạng hóa sinh kế (xã Tân Thuận cũ)	48,628		48,628	-				-	-		-		-